

Số: 67/2021/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 25 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 280/2020/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1978

- **Bị đơn:** Chị Chu Thị T, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Trần P

Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Hương G

Chức vụ: Phó Giám đốc

Theo giấy uỷ quyền số: 194/NHNo.Đhy ngày 26/4/2021 của Giám đốc ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ **Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị M

Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Nhật L

Chức vụ: Phó Giám đốc

Theo giấy uỷ quyền ngày 30/12/2020 của Giám đốc ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn V và chị Chu Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Chu Thị Txác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 23/11/2000, đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Toà án không xem xét, giải quyết. Giao cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 19/12/2008 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ khi có sự thay đổi khác.

Chị T có quyền thăm con, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do anh V không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung:

Các bên đương sự nhất trí thoả thuận về tài sản chung như sau: Anh Nguyễn Văn V được toàn quyền sử dụng nhà ở tại xóm Xóm M, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, toàn bộ máy móc (01 máy cày + 02 máy gặt) là tài sản chung của vợ chồng. Đồng thời, anh V có nghĩa vụ trích chia cho chị T50.000.000đ (năm mươi triệu) đồng. Anh V đã trả cho chị T20.000.000đ, còn lại số tiền 30.000.000đ anh V sẽ trả nốt cho chị T vào ngày 01/9/2021.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh V không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất do các đương sự thoả thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thoả thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về phần nợ chung: Anh Nguyễn Văn V chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng bao gồm:

- Nợ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên số tiền 330 triệu đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8506 Lav 2020003739 ngày 14/10/2020 khi đến hạn trả nợ.

- Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên số tiền 20 triệu đồng và tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn mã khách hàng 7092696014 khi đến hạn trả nợ.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn V tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Được trừ vào số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai số 0006571 ngày 30/12/2020. Hoàn trả cho anh V 2.650.000đ (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Chu Thị T tự nguyện nộp 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước; Được trừ vào số tiền 13.080.000.đ (mười ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai số 0006635 ngày 31/3/2021. Hoàn trả cho chị T 12.330.000đ (mười hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã L;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA-DS huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- Lưu HS vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quang Tuấn**

